

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T1, xã 2, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Chị Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:*

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, anh và chị Võ Thị Tuyết H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 16/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Bình N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến mất hạnh phúc. Nên anh và chị H sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận

thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị Hồng.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh và chị H có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/7/2011 hiện chị Hồng đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu K cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp chị H có yêu cầu cấp dưỡng cho con thì anh đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Chị Võ Thị Tuyết H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N; văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng của cháu K; tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

#### **- Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Xét ngoài yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con như nhận định, giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*” thì anh N, chị Hồng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung.

#### **- Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Anh N, chị H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến mất hạnh phúc. Anh N, chị H có thời gian dài sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống

với chị Hồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của anh N. Căn cứ vào lời trình bày của anh N, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa anh N, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh Nhả và chị Hồng.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh N và chị Hồng có với nhau 01 người con chung là cháu K đã trên 12 tuổi hiện chị H đang nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con; không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của cháu K sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống với mẹ hoặc cha Xét theo tình hình thực tế, để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt của cháu K. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu K cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, do chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nhả giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết N phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh N (tên khác: Nguyễn Thanh N) và chị Võ Thị Tuyết H.

**2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:**

2.1. Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2011 cho chị Võ Thị Tuyết H được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Do chị Võ Thị Tuyết H không có yêu cầu anh Nguyễn Thanh N cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2.3. Anh Nguyễn Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc anh Nguyễn Thanh N phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0011470 ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6. Vụ án được xét xử công khai.** Có mặt anh Nguyễn Thanh Nhả, vắng mặt chị Võ Thị Tuyết Hồng. Báo cho anh Nhả có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị Hồng vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã N: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**(ĐÃ KÝ)**

**Cao Minh Tân**